

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **02/2024/LĐ-PT**

Ngày: 19 – 11 – 2024

*V/v: Tranh chấp bồi hoàn chi phí đào
tạo và yêu cầu trả lại văn bằng*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh; Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 01/2024/LĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về việc bồi hoàn chi phí đào tạo và yêu cầu trả lại văn bằng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị H1

Địa chỉ: 185/20/1 Đ1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng N sinh năm 1984

Địa chỉ: 85 Đ2, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2. Bị đơn: Bệnh viện trường đại học T.

Địa chỉ trụ sở: 567 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phương Minh H2 – c/v Giám đốc Bệnh viện (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 13/8/2018, bà Lưu Thị H1 có ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 72/HĐ-BVĐHTN với bệnh viện Trường đại học T, hợp đồng có hiệu lực

ngày 13/8/2018 làm việc tại khoa Nội Nhi Nhiễm, trong hợp đồng thể hiện giữ văn bằng bác sỹ y đa khoa gốc, số hiệu 034500 cấp ngày 08/8/2017, do Hiệu trưởng Trường đại học T cấp cho bà H1.

Đến ngày 02/12/2019, bà H1 ký hợp đồng thỏa thuận đào tạo số 03/2019/TTĐT để đi học Bác sỹ chuyên khoa cấp I, thời gian khóa đào tạo là 02 năm (từ ngày 02/12/2019 đến 12/2021), nơi đào tạo là Trường Đại học Y Dược H. Sau đó, bà H1 đã hoàn thành khóa học và tiếp tục về công tác tại Bệnh viện Trường đại học T. Do không chịu đựng nổi áp lực công việc, sức khỏe giảm sút nên tháng 7/2023 bà H1 làm đơn xin nghỉ việc trước thời hạn. Ngày 18/8/2023 bệnh viện Trường đại học T ra Quyết định số 179/QĐ–BVĐHTN ngày 14/8/2023 về việc bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng buộc bà H1 phải bồi hoàn chi phí đào tạo với tổng số tiền là 409.850.917đ (Bốn trăm lẻ chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn chín trăm mười bảy đồng), bao gồm các chi phí sau:

- Học phí: 40.950.000đ (Bốn mươi triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng)
- Tiền hỗ trợ đi học: 20.240.000đ (Hai mươi triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng).
- Tiền xe: 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng).
- Tiền thu nhập tăng thêm (năm 2020 và 2021): 27.129.000đ (hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi chín ngàn đồng).
- Các khoản Lễ, Tết (02 năm 2020–2021): 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

Số tiền bồi thường:

- + Tổng thời gian đã làm việc sau khi đi học về B (từ tháng 3/2022 đến 7/2023): 17 tháng.
- + Tổng thời gian cam kết làm việc C: 60 tháng.
- + Số tiền bồi thường = $5xA - (5xAxB)/C = 409.850.917đ$ (Bốn trăm lẻ chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn chín trăm mười bảy đồng).

Không đồng ý với Quyết định số 179/QĐ–BVĐHTN ngày 14/8/2023 về việc bồi hoàn chi phí đào tạo nên bà H1 đã làm đơn yêu cầu phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố B tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Ngày 27/9/2023, phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố B đã lập biên bản hòa giải không thành vì bệnh viện Trường đại học T vắng mặt.

Lý do bà H1 không chấp nhận Quyết định số 179/QĐ–BVĐHTN ngày 14/8/2023 của bệnh viện Trường đại học T về việc bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng buộc phải bồi hoàn chi phí đào tạo với tổng số tiền là 409.850.917đ (Bốn trăm lẻ chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn chín trăm mười bảy đồng) và yêu cầu trả lại bằng bác sỹ gốc cho bà H1 theo đúng quy định của pháp luật là vì:

* Về đền bù chi phí đào tạo:

Căn cứ Điều 8 Nghị định 101/2017/NĐ–CP thì nghĩa vụ đền bù chi phí đào tạo được xác định như sau:

"Điều 8. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù

1. Chi phí đền bù bao gồm học phí và tất cả các khoản chi khác phục vụ cho khóa học, không tính lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

2. Cách tính chi phí đền bù:

a) Đối với trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 7 Nghị định này, cán bộ, công chức, viên chức phải trả 100% chi phí đền bù;

b) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này, chi phí đền bù được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

– S là chi phí đền bù;

– F là tổng chi phí do cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học chi trả theo thực tế cho 01 người tham gia khóa học;

– T1 là thời gian yêu cầu phải phục vụ sau khi đã hoàn thành khóa học (hoặc các khóa học) được tính bằng số tháng làm tròn;

– T2 là thời gian đã phục vụ sau đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn.

Bà H1 được cử đi đào tạo Bác sỹ chuyên khoa cấp I trong thời hạn 02 năm (= 24 tháng), chi phí hết 64.390.000 triệu đồng, gồm tiền học phí: 40.950.000đ (Bốn mươi triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng), tiền hỗ trợ đi học: 20.240.000đ (Hai mươi triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng), tiền xe: 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng). Theo cam kết, bà H1 phải phục vụ sau khi đi học về ít nhất là 60 tháng. Sau khi tốt nghiệp, bà H1 đã phục vụ cho cơ quan được 18 tháng. Chi phí đào tạo mà bà H1 phải đền bù là: 64.390.000 (sáu mươi tư triệu ba trăm chín mươi triệu) đồng: 60 tháng x (60 tháng – 18 tháng) = 45.073.000 (bốn mươi lăm triệu không trăm bảy mươi ba triệu) đồng.

Ngoài ra, Theo quy định tại Điều 9 Nghị định 101/2017/NĐ–CP thì điều kiện được giảm chi phí đền bù của viên chức là mỗi năm công tác của cán bộ, công chức, viên chức (không tính thời gian tập sự và thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1% chi phí đền bù. Trường hợp là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác được tính giảm tối đa 1,5% chi phí đền bù. Như vậy bà H1 được 01 năm công tác được giảm 1,5% = 965.850 (chín trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi) đồng. Tổng chi phí phải đền bù là: 45.073.000 (bốn mươi lăm triệu không trăm bảy mươi ba triệu) đồng – 965.850 (chín trăm sáu mươi lăm ngàn

tám trăm năm mươi) đồng = 44.107.150 (bốn mươi bốn triệu một trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi) đồng. Bà H1 chỉ chấp nhận đền bù chi phí đào tạo với số tiền là 44.107.150 đồng.

* Về việc giữ văn bằng, chứng chỉ của Bệnh viện Trường đại học T:

Điều 20 Bộ luật Lao động 2012 quy định người sử dụng lao động không được thực hiện hành vi “Giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động”. Như vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành, Người sử dụng lao động không được giữ bản chính bằng đại học của người lao động. Việc giữ bản gốc bằng đại học của người học là trái với quy định của pháp luật.

Do vậy, bà H1 đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết:

– Buộc bệnh viện Trường đại học T trả lại bằng bác sỹ y đa khoa gốc, số hiệu 034500, cấp ngày 08/8/2017, do Hiệu trưởng Trường đại học T cấp cho bà H1.

– Huỷ Quyết định số 179/QĐ – BVĐHTN ngày 14/8/2023 của bệnh viện Trường đại học T về việc bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng buộc bà H1 phải bồi hoàn chi phí đào tạo với tổng số tiền là 409.850.917đ (Bốn trăm lẻ chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn chín trăm mười bảy đồng).

*** Người đại diện theo pháp luật của Bệnh viện trường đại học T ông Phương Minh H2 :**

Bà Lưu Thị H1 được ký Hợp đồng làm việc với Bệnh viện Trường Đại học T theo Hợp đồng số 81/HĐ – BVĐHTN ngày 12/11/2017. Sau đó đến năm 2019 bà Lưu Thị H1 làm đơn xin đi thi SĐH và được Bệnh viện chấp thuận cử đi thi. Khi có kết quả bà Lưu Thị H1 làm đơn xin đi học BS CKI Nhi tại trường Đại học Y Dược H, trước khi đi học bà Lưu Thị H1 và bệnh viện có ký 01 thỏa thuận đào tạo số 03/2019/TTĐT ngày 02/12/2019 trong đó có quy định rõ là bà Lưu Thị H1 tự nguyện nộp bằng tốt nghiệp bác sỹ y khoa cho Bệnh viện đồng thời cam kết sẽ phục vụ tại bệnh viện sau khi kết thúc khóa học là tối thiểu 05 năm (60 tháng), nếu không tuân thủ theo cam kết đào tạo thì sẽ phải bồi thường theo thỏa thuận đào tạo đã ký.

Bà Lưu Thị H1 được cử đi học theo Quyết định số 198/QĐ–BVĐHTN ngày 29/11/2019 sau khi kết thúc khóa học thì trở về Bệnh viện công tác vào ngày 28/3/2022. Ngày 27/7/2023 bà Lưu Thị H1 làm đơn xin nghỉ không lương từ ngày 31/7/2023 đến hết ngày 17/8/2023 và đã được Bệnh viện chấp thuận. Nhưng sau đó bà Lưu Thị H1 lại gửi đơn xin nghỉ việc vì lý do cá nhân và trong đơn có ghi rõ: “*chấp nhận đền bù theo thỏa thuận với Bệnh viện*”, kể từ thời điểm Bệnh viện nhận đơn xin nghỉ việc của bà Lưu Thị H1 thì Bệnh viện đã tiến hành gặp gỡ và tổ chức nhiều cuộc họp về vấn đề này để thuyết phục bà Lưu Thị H1 tiếp tục làm việc đến hết thời gian đã cam kết trong thỏa thuận tuy nhiên bà Lưu Thị H1 kiên quyết từ chối và đề nghị được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với bệnh viện.

Đến ngày 20/7/2023 bệnh viện đã phải thành lập Hội đồng xem xét, bồi thường kính đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định số 151/QĐ–BVĐHTN. Ngày 26/7/2023 Hội đồng đã mời bà Lưu Thị H1 đến tại Hội trường Bệnh viện để họp, trong cuộc họp các thành viên Hội đồng đã nêu rất nhiều ý kiến, phân tích để bà Lưu Thị H1 hiểu rõ hơn và mong muốn bà Lưu Thị H1 tiếp tục làm việc đến hết thời gian đã ký theo Thỏa thuận đào tạo. Tuy nhiên bà Lưu Thị H1 vẫn không đồng ý vì vậy Bệnh viện đã ra Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Lưu Thị H1 theo QĐ số 180/QĐ–BVĐHTN ngày 18/8/2023 và đề nghị đền bù kinh phí đào tạo đã quy định trong Thỏa thuận đào tạo đã ký ngày 02/12/2019, đúng với cam kết trong đơn xin nghỉ việc của bà Lưu Thị H1.

Qua sự việc trên Bệnh viện Trường Đại học T đề nghị Tòa buộc bà Lưu Thị H1 phải đền bù theo đúng thỏa thuận đào tạo đã ký và cam kết trong đơn xin nghỉ việc.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 2, khoản 1 Điều 9, khoản 3 Điều 35, khoản 6 Điều 56 Luật viên chức năm 2010.

Điều 7, Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ–CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Căn cứ Điều 16, Điều 17 Thông tư số 15/2012/TT–BNV ngày 25/12/2012 của Bộ nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị H1. Buộc Bệnh viện trường Đại học T trả lại bằng bác sĩ đa khoa gốc, số hiệu 034500, cấp ngày 08/8/2017 do Hiệu trưởng trường đại học T cấp cho bà Lưu Thị H1.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị H1 về việc Hủy Quyết định số 179/QĐ–BVĐHTN ngày 14/8/2023 của Bệnh viện trường Đại học T về việc bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng. Buộc bà Lưu Thị H1 phải bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng với tổng số tiền 409.850.917 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* **Kháng cáo:** Ngày 12/8/2024, nguyên đơn bà Lưu Thị H1 kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn

Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị H1.

* **Kháng nghị:** Ngày 28/8/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 654/QĐ-VKS-LĐ về việc kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị H1.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lưu Thị H1 và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa bản án Lao động sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về nội dung:

Bà Lưu Thị H1 được Bệnh viện Trường Đại học T (Sau đây viết tắt là Bệnh viện) ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 72/HĐ-BVĐHTN ngày 13/8/2018, chức danh chuyên môn là Bác sỹ đa khoa làm việc khám chữa bệnh tại khoa Nội nhi nhiễm thuộc Bệnh viện trường Đại học T.

Sau khi H1 có giấy báo trúng tuyển chuyên khoa cấp I của Trường Đại học Y Dược H. Ngày 29/11/2019 Bệnh viện trường đại học T ra quyết định số 198/QĐ-BVĐHTN về việc cử viên chức đi học Bác sỹ chuyên khoa cấp I tại Trường Đại học Y Dược H, với nguồn kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ của Bệnh viện. Ngày 02/12/2019 giữa bà Lưu Thị H1 với Bệnh viện trường Đại học T ký thỏa thuận đào tạo số 03 với nội dung chính như sau: Bên A (Bệnh viện) đồng ý trợ cấp chi phí học tập và đào tạo cho bên B (Bà H1) trong suốt thời gian tham gia khóa học và bên B cam kết sẽ làm việc cho bên A với thời gian là 05 năm sau khi kết thúc khóa học. Trong trường hợp vi phạm cam kết phải bồi thường chi phí đào tạo theo công thức: $(5 \times A) - (5 \times A \times B)$: C với A là tổng chi phí đào tạo của khóa học; B là thời gian đã làm việc theo cam kết đến ngày nghỉ việc; C tổng thời gian cam kết làm việc.

Sau khi học xong, ngày 28/3/2022 bà H1 trở lại làm việc, đến ngày 03/7/2023 bà H1 làm đơn xin nghỉ việc vì lý do cá nhân và xin chấp nhận đền bù theo thỏa thuận với Bệnh viện. Ngày 14/8/2023 Bệnh viện ban hành Quyết định về việc bồi

hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng số 179/QĐ–BVĐHTN, quyết định bà Luru Thị H1 có trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo tổng số tiền 409.850.917 đồng theo công thức về thỏa thuận bồi thường chi phí đào tạo số 03.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn – bà Luru Thị H1 và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ–BGDDT ngày 18/01/2007 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc thành lập Bệnh viện Trường Đại học T thì Bệnh viện là đơn vị sự nghiệp công lập, tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Căn cứ Hợp đồng số 72/HĐ–BVĐHTN ngày 13/8/2018 giữa Bệnh viện với bà Luru Thị H1, bà H1 được hưởng lương từ quỹ lương của Bệnh viện đối với viên chức do Nhà nước quy định tại Nghị định 204/2004/NĐ–CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ nên bà H1 là viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Do bà H1 làm đơn xin nghỉ việc nên Bệnh viện ban hành quyết định số 180/QĐ–BVĐHTN ngày 18/8/2023 về việc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Luru Thị H1 với lý do người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc. Đồng thời Bệnh viện ban hành Quyết định số 179/QĐ–BVĐHTN ngày 14/8/2023 về việc buộc bà Luru Thị H1 phải bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng.

Xét nội dung Quyết định số 179/QĐ–BVĐHTN ngày 14/8/2023 của Bệnh viện Trường Đại học T về việc bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng và Thỏa thuận đào tạo số 03, xét thấy:

[2.1] Về cách tính chi phí đền bù:

Quan hệ lao động được xác lập giữa Bệnh viện với bà H1 là quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động với viên chức làm công tác chuyên môn. Do đó, việc xác định trách nhiệm đền bù chi phí đào tạo của viên chức đối với đơn vị sử dụng lao động trong trường hợp viên chức có vi phạm được điều chỉnh bởi các quy định của Luật viên chức và các văn bản liên quan.

Khoản 3 Điều 35 Luật viên chức quy định: Viên chức được đơn vị sự nghiệp công lập cử đi đào tạo nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc tự ý bỏ việc phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

Mặc dù Thỏa thuận đào tạo số 03 là do các bên tự nguyện ký kết. Tuy nhiên, theo quy định của Luật viên chức thì việc đền bù chi phí đào tạo phải theo quy định của Chính phủ, pháp luật không quy định trường hợp có thỏa thuận khác thì thực hiện theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa, người đại diện của Bệnh viện xác nhận không cung cấp được quy chế chi tiêu nội bộ của Bệnh viện năm 2019-2021 nhưng quy chế chi tiêu năm 2023 mà Bệnh viện cung cấp có nội dung không thay đổi so với quy chế chi tiêu nội bộ trước đó. Tại điểm e Điều 18 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 có nêu: Căn cứ Nghị

định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ, Bệnh viện xây dựng văn bản thỏa thuận đào tạo, trong đó ghi rõ chi tiết mức bồi thường chi phí đào tạo cho các trường hợp người học vi phạm. Như vậy, Quy chế chi tiêu nội bộ của Bệnh viện cũng nêu việc xây dựng văn bản thỏa thuận đào tạo căn cứ vào Nghị định số 101 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định cách tính chi phí đền bù trong trường hợp người lao động đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết là: $S = \frac{F}{T_1} \times (T_1 - T_2)$

Trong đó:

- S là chi phí đền bù.
- F là tổng chi phí do cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học chi trả theo thực tế cho 01 người tham gia khóa học.
- T1 là thời gian yêu cầu phải phục vụ sau khi đã hoàn thành khóa học (hoặc các khóa học) được tính bằng số tháng làm tròn.
- T2 là thời gian đã phục vụ sau đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn.

Tuy nhiên, Thỏa thuận đào tạo số 03 thể hiện bên B (bà H1) phải bồi thường chi phí đào tạo cho bên A (Bệnh viện) theo công thức $= 5 * A - \frac{5 * A * B}{C}$

Trong đó:

- A: Tổng chi phí đào tạo của khoá học tính đến thời điểm chấm dứt thỏa thuận đào tạo hoặc hợp đồng lao động.
- B: Thời gian đã làm việc theo cam kết đến ngày nghỉ việc.
- C: Tổng thời gian cam kết làm việc tại Điều 6 (ĐVT: tháng). Làm việc từ 15 ngày/tháng trở lên được tính 1 (một) tháng.

Như vậy, việc áp dụng cách tính chi phí đền bù như tại thỏa thuận 03 là không phù hợp quy định của pháp luật, cần xem xét lại.

[2.2] Về mức đền bù:

Theo Bảng tính chi phí đào tạo tại Bút lục số 161 (được bà H1 thừa nhận) thì các khoản chi phí mà Bệnh viện đã chi trả trong thời gian bà H1 đi học, được Bệnh viện tính vào chi phí đào tạo bà H1 phải đền bù bao gồm:

1. Học phí: 40.950.000 đồng;
2. Tiền hỗ trợ đi học: 20.240.000 đồng;
3. Tiền xe: 3.200.000 đồng;
4. Tiền thu nhập tăng thêm: 27.129.000 đồng;
5. Các khoản Lễ, Tết: 14.400.000 đồng.

Căn cứ Điều 22 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, điểm b khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 thì tiền thu nhập tăng thêm là do cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức và người lao động theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người. Tiền thu nhập tăng thêm và tiền Lễ, Tết là các khoản tiền không phục vụ cho khoá học. Do đó, đối chiếu với khoản 1 Điều 8 Nghị định số 101 thì chỉ có học phí, tiền hỗ trợ đi học và tiền xe là các khoản được tính vào chi phí đền bù. Đồng thời, bà H1 còn là viên chức nữ, tính từ ngày 13/8/2018 (ngày bà H1 ký Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn) đến ngày 29/11/2019 (ngày Bệnh viện ban hành Quyết định cử đi học số 198/QĐ-BVĐHTN) thì bà H1 đã chính thức công tác tại Bệnh viện được 01 năm 03 tháng 18 ngày nên thuộc trường hợp được giảm 1,5% chi phí đền bù tương ứng với mỗi năm công tác.

Tuy nhiên, Bệnh viện lại tính buộc bà H1 đền bù cả tiền thu nhập tăng thêm và tiền Lễ, Tết trong thời gian đi học và không xem xét điều kiện được giảm chi phí đền bù đối với bà H1 là không đúng với quy định của pháp luật. Do đó, cần phải xác định lại mức đền bù chi phí đào tạo như sau:

- Tổng chi phí do Bệnh viện chi trả theo thực tế khi cử bà H1 đi học là 64.390.000 đồng, bao gồm: Học phí 02 năm: 40.950.000 đồng; Tiền hỗ trợ đi học: 20.240.000 đồng; Tiền xe: 3.200.000 đồng.

- Thời gian Bệnh viện yêu cầu bà H1 phải phục vụ sau khi hoàn thành khoá học: 60 tháng.

- Thời gian bà H1 đã phục vụ sau khi hoàn thành khoá học: 17 tháng.

Như vậy, theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP thì chi phí đền bù được tính là: $\frac{64.390.000}{60} \times (60 - 17) = 46.146.000$ đồng (đã làm tròn). Sau khi giảm trừ chi phí là 1,5%/năm (692.190 đồng) thì chi phí đào tạo mà bà H1 phải đền bù cho Bệnh viện là 45.453.000 đồng.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Lưu Thị H1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện Buộc bệnh viện trường đại học T trả lại bằng bác sỹ đa khoa gốc, số hiệu 034500, cấp ngày 08/8/2017 do Hiệu trưởng trường đại học T cấp cho bà Lưu Thị H1: Nội dung này không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lưu Thị H1 và Kháng nghị phúc thẩm số 654/QĐ-VKS-LĐ ngày 28/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa Bản án Lao động sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Điều 2, khoản 1 Điều 9, khoản 3 Điều 35, khoản 6 Điều 56 Luật viên chức năm 2010.

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV của Bộ nội vụ hướng dẫn Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 3, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị H1

Buộc Bệnh viện trường Đại học T trả lại bằng bác sỹ đa khoa gốc, số hiệu 034500, cấp ngày 08/8/2017 do Hiệu trưởng trường đại học T cấp cho bà Lưu Thị H1.

Hủy Quyết định số 179/QĐ-BVĐHTN ngày 14/8/2023 của Bệnh viện trường Đại học T về việc Buộc bà Lưu Thị H1 phải bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng với tổng số tiền 409.850.917 đồng. Buộc bà Lưu Thị H1 phải có nghĩa vụ đền bù chi phí đào tạo cho Bệnh viện trường Đại học T số tiền 45.453.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm ba ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

- Bà Lưu Thị H1 phải chịu 1.363.000 đồng án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch và không án phí lao động phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm do Nguyễn Hồng N nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0009665 ngày 21/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B và số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do Nguyễn Hồng N nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2023/0013391 ngày 19/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R. Bà H1 còn phải chịu 463.000 đồng án phí.

- Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí lao động sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Dương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương